

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẮC MÊ
TỈNH HÀ GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2017/HSST
Ngày 26 /9/2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC MÊ TỈNH HÀ GIANG
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Phạm Hùng Thắng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông: Nguyễn Minh Thư;

Ông: Nguyễn Ngọc Liên;

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Ông Dương Văn Công- Thư ký Toà án nhân dân huyện Bắc Mê, tỉnh Hà Giang.

Đ diện viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Mê, tỉnh Hà Giang tham gia phiên toà ông: Dư Văn Tuệ, Kiểm sát viên.

Ngày 26/9/2017, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện BM, tỉnh HG mở phiên toà công khai, xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 10/2017/HSST ngày 16/8/2017 đối với các bị cáo:

1. Bị cáo

Lâu Văn M; Sinh ngày 11/11/1972; Nơi sinh; Thị trấn Y P, huyện BM, tỉnh HG; Nơi cư trú: Thôn NN, thị trấn YP, huyện BM, tỉnh HG; Quốc tịch: VN; Dân tộc: T; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hoá: 5/12; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Con ông: Lâu Văn Q(đã chết) và con bà: Nguyễn Thị T (đã chết); Có 2 anh em ruột, bị cáo là con thứ 2; Có vợ: Nguyễn Thị V; sinh năm 1974 có 02 con, lớn nhất 22 tuổi, nhỏ nhất 20 tuổi; Tiền sự; Tiền án: Không; Bị bắt ngày 09/5/2017, hiện đang bị áp dụng biện pháp tạm giam tại Nhà tạm giữ công huyện BM, tỉnh HG
(Có mặt).

Ngô Văn K; Sinh ngày 28/4/1979; Nơi sinh; Thị trấn YP, huyện BM, tỉnh HG; Nơi cư trú: Thôn NN, thị trấn YP, huyện BM, tỉnh HG; Quốc tịch: VN; Dân tộc: T; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hoá: 7/12; Nghề nghiệp: Lr; Con ông: Ngô Văn S (chết năm 1985) và con bà: Hoàng Thị N, sinh năm 1939; Có 05 anh chị em ruột, bị cáo là con thứ 5; Có vợ: Lý Thị Th, sinh năm 1977 và có 02 con, lớn nhất 18 tuổi, nhỏ nhất 16 tuổi; Tiền sự; Tiền án: Không; Bị bắt ngày 09/5/2017, hiện đang bị áp dụng biện pháp tạm giam tại Nhà tạm giữ công huyện BM, tỉnh HG

(Có mặt).

2. Nguyên đơn dân sự: UBND thị trấn YP.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn dân sự Ông: Lê Thanh N, Chức vụ: Chủ tịch UBND thị trấn YP

(Vắng mặt tại phiên tòa có lý do).

3. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan

- Nguyễn Minh V, sinh năm 1971

Cư trú tại: Thôn NN, thị trấn YP, huyện BM, tỉnh HG.

(Có mặt).

- Ngô Văn D, sinh năm 1986

Cư trú tại: Thôn NN, thị trấn YP, huyện BM, tỉnh HG.

(Có mặt).

4. Người làm chứng: Lý Văn N, sinh năm 1992

Nơi cư trú: thôn Nà P, thị trấn YP, huyện BM, tỉnh HG.

(Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Bị cáo Lâu Văn M, Ngô Văn K bị Viện kiểm sát nhân dân huyện BM, tỉnh HG truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Khoảng tháng 12/2016 Lâu Văn M gặp anh Nguyễn Minh V cùng thôn, qua trao đổi bằng miệng, anh V có nói với M muốn mua một ít gỗ về để sang năm sửa lại nhà sàn. Sau khi nghe anh V nói chuyện về việc muốn mua gỗ, M về nói với Ngô Văn K cùng thôn rủ nhau lên khu rừng phòng hộ, thuộc thôn NN, do UBND thị trấn quản lý. M và Kh khai thác gỗ Nghiến, Trai trái phép (dạng xà xiên và cột) để bán cho anh V lấy tiền chia nhau. Sau khi trao đổi thống nhất M, Kh mang theo 01 máy cưa xăng (máy cưa của M) lên khu rừng phòng hộ khai thác 01 cây Nghiến do người khác đốt đổ từ trước bỏ lại, cây đã khô, lóc lõi. M, Kh cắt cây gỗ thành 3 khúc, sau đó khai thác khúc giữa dài 11m trong khoảng 3 ngày được 07 thanh xà xiên có kích thước rộng 17cm, dày 04cm, chiều dài 11m với khối lượng là $4,836m^3$, còn lại trên hiện trường 2 khúc (khúc thân giáp gốc $5,751m^3$, khúc ngọn tiếp giáp với khúc giữa $2,369m^3$) cây gỗ quá trình khám nghiệm hiện trường được đánh dấu sơn cây số 08. Sau khi khai thác xong khúc gỗ Nghiến thứ nhất, được khoảng 2 ngày sau M và Kh lại mang theo máy cưa xăng của M lên khu rừng phòng hộ lần trước khai thác, trực tiếp cắt hạ 01 cây gỗ nghiến còn tươi, khai thác khoảng 03 ngày được 06 thanh xà xiên, có kích thước rộng 17cm, dày 04cm, dài 12m. Cây gỗ các bị cáo khai thác có khối lượng $4,686m^3$, được đánh số sơn trong quá trình khám nghiệm hiện trường là cây số 07. Được khoảng 03 ngày sau khi khai thác xong cây gỗ Nghiến thứ hai, M và Kh lại mang theo máy cưa xăng của M lên khu rừng lần trước tìm cây để khai thác gỗ (dạng cột nhà) bán cho anh V, các bị cáo tìm thấy 01 khúc cây gỗ Nghiến, có khối lượng $0,678m^3$ (quy tròn) và 01 khúc cây gỗ Trai, có khối lượng $0,428m^3$ (quy tròn) nằm cạnh nhau đã bị người khác chặt hạ từ trước còn bỏ lại, đã khô, lóc lõi (không xác định được gốc cây của 2 khúc gỗ trên). M, Kh khai thác khúc gỗ Nghiến được 02 cái cột, khúc gỗ Trai

được 03 cái cột, có kích thước 14 x 16 cm, chiều dài 4m. Được đánh số sơn trong quá trình xác định hiện trường khúc số 09 cây Nghiến và khúc số 10 cây Trai.

Các lần khai thác gỗ trái phép M, Kh đều thuê Lý Văn S ở thôn NP, thị trấn YP, huyện BM vận chuyển về nhà anh V với giá 400.000 đ/1 thanh, sau khi thỏa thuận giá cả anh S cùng một số người khác vận chuyển số gỗ thành khí từ khu rừng xuống gần bờ sông Gâm tập kết. Đến đêm M, Kh và S vận chuyển số gỗ trên bằng mảng theo đường sông, suối, về đến nhà anh V và bán cho anh Nguyễn Minh V 11 thanh xà, kích thước rộng 17cm, dày 04 cm, chiều dài 11 đến 12m và 05 cái cột (02 cột Nghiến, 03 cột Trai) có kích thước 14x16, chiều dài 4m với giá 1.500.000đ/1 thanh xà, cột. Tổng cộng bán cho anh V 16 thanh xà, cột x 1.500.000đ = 24.000.000đ. Sau khi nhận đủ số tiền bán gỗ trừ các chi phí như tiền thuê vận chuyển, tiền xăng, số tiền còn lại M, Kh chia đều nhau chi tiêu cá nhân hết.

Sau khi khai thác gỗ về bán cho anh Nguyễn Minh V được khoảng 7 ngày, Ngô Văn K đi lên nhà anh Ngô Văn D cùng thôn chơi, D có nói với Kh là muốn mua một số thanh xà xiên để sửa nhà. Sau đó Kh về báo với M rồi cả hai mang theo 01 máy cưa xăng lên khu rừng phòng hộ mà M, Kh đã khai thác trước đó cắt hạ 01 cây gỗ nghiến còn tươi, M, Kh khai thác 04 đến 05 ngày được 19 thanh xà xiên (13 thanh xà có kích thước dài 7,66m, rộng 17 cm, dày 04 cm và 06 thanh dài 5m, rộng 17 cm, dày 04 cm). Cây gỗ mà Kh, M cắt hạ khai thác có khối lượng là **6,608m³**, quá trình khám nghiệm đánh dấu sơn là cây số 02. Sau khi khai thác được số gỗ trên, M, Kh tiếp tục thuê Lý Văn S vận chuyển về nhà Kh với giá là 200.000 đồng/1 thanh (phương thức vận chuyển như các lần trước) và bán cho anh Ngô Văn D với giá 400.000 đồng/1 thanh. Tổng cộng 19 thanh x 400.000đ = 7.600.000đ. Sau khi nhận đủ số tiền bán gỗ và trừ các chi phí như tiền thuê vận chuyển, tiền xăng, số tiền còn lại M, Kh chia đều nhau chi tiêu sử dụng hết.

Tại biên bản khám nghiệm hiện trường ngày 15/3/2017 và biên bản xác định hiện trường ngày 20/4/2017 xác định: Số cây Nghiến, Trai bị các đối tượng cắt hạ khai thác là 10 cây, lóng, khúc với tổng khối lượng 112,871m³ gỗ tròn, nhóm IIA; địa điểm khai thác thuộc tiểu khu 149A, khoảnh 8, lô 2, 4 và khoảnh 1, lô 12 (theo bản đồ quy hoạch 3 loại rừng năm 2013 của UBND tỉnh HG), chức năng rừng phòng hộ, thuộc địa phận thôn Nàn, thị trấn YP, huyện BM do UBND thị trấn YP quản lý; Trong đó, M, Kh khai thác trái phép là 05 cây, lóng, khúc, gỗ nghiến, trai thuộc nhóm IIA, có tổng khối lượng là 17,236m³ (gỗ tròn). Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 12 Nghị định số 157/2013/NĐ-CP ngày 11/11/2013 của Chính phủ và tiểu mục 1.1 mục 1 Phần IV Thông tư liên tịch số 19/2007/TTLT-BNN-BTP-BCA-VKSNDTC-TANDTC ngày 08/3/2007 của Bộ Tư pháp, Bộ công an, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số điều của BLHS về các tội phạm trong lĩnh vực quản lý rừng, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản thì khối lượng gỗ M, Kh khai thác là trên mức tối đa xử phạt vi phạm hành chính.

Quá trình điều tra còn phát hiện có Hoàng Văn Đ và Nông Thái S trú tại thôn NN, thị trấn YP, huyện BM khai thác gỗ nghiến trái phép (*khai thác dạng xà và cột*) tại khu rừng trên (các đối tượng khai thác độc lập) bán cho Ngô Văn D và Nguyễn Văn N nhưng khối lượng khai thác của Đ và S **8,327m³** chưa đến mức

phải truy cứu trách nhiệm hình sự. Ngày 28/7/2017 Cơ quan CSĐT công huyện Bắc Mê đã tách và chuyển hồ sơ đến cơ quan chức năng để xử lý vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật.

Đối với Nguyễn Minh V, Ngô Văn D và Nguyễn Văn N mua lâm sản trái pháp luật của bị cáo M, Kh và các đương sự Đ, S. Nhưng khối lượng lâm sản mua trái phép của V, D và N chưa đến mức phải truy cứu trách nhiệm hình sự, qua xác minh V, D và N chưa có tiền án, tiền sự về hành vi này. Ngày 28/07/2017 Cơ quan CSĐT Công an huyện Bắc Mê đã tách và chuyển hồ sơ vụ việc đến cơ quan cơ quan chức năng để xử lý vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật.

Theo lời khai bị cáo Lâu Văn M, Ngô Văn K khai sau khi khai thác được lâm sản các bị cáo đã thuê Lý Văn S vận chuyển. Quá trình điều tra xác M tại địa phương Lý Văn S không có mặt tại địa phương và không biết hiện đang ở đâu. Do đó Cơ quan cảnh sát điều tra tiếp tục điều tra xác M, nếu có đủ căn cứ thì sẽ xem xét xử lý về sau.

Ngoài ra quá trình khám nghiệm hiện trường và mở rộng hiện trường phát hiện thêm tại khu rừng phòng hộ trên còn có 04 cây, lóng, khúc gỗ Nghiến nhóm IIA, có tổng khối lượng là $87,308m^3$ (gỗ tròn) bị cắt hạ, khai thác còn lại tại hiện trường thuộc khu vực rừng phòng hộ trên chưa xác định được đối tượng đã giao cho UBND thị trấn YP quản lý. Cơ quan điều tra tiếp tục điều tra, xác minh làm rõ.

Ngày 14/6/2017, Cơ quan CSĐT Công an huyện Bắc Mê ra Quyết định số 14 về việc trưng cầu định giá tài sản trong tố tụng hình sự.

Tại bản kết luận số 12/BKL-HĐĐGTS ngày 23/6/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Bắc Mê, kết luận: Số lâm sản cây, lóng, khúc bị thiệt hại có giá trị là $7.000.000đ/m^3 \times 112,871m^3 = 790.097.000$ đồng (Bảy trăm chín mươi triệu không trăm chín mươi bảy nghìn đồng); số gỗ Nghiến, Trai xẻ thành khí có giá $13.000.000đ/m^3 \times 2,938m^3 = 51.194.000đ$ (Năm mươi một triệu một trăm chín mươi tư nghìn đồng). Trong đó Lâu Văn M và Ngô Văn K khai thác 05 cây, lóng, khúc gỗ Nghiến, Trai, nhóm IIA là $17,236m^3$ (gỗ quy tròn). Có tổng giá trị là $120.652.000đ$ (Một trăm hai mươi triệu sáu trăm năm mươi hai nghìn đồng), số gỗ Nghiến, Trai xẻ thành khí đã thu về là $2,081m^3$ (quy tròn = $3,329m^3$).

Nguyên đơn dân sự UBND thị trấn YP: Xác nhận số cây Nghiến các bị cáo Lâu Văn M và Ngô Văn K khai thác trái phép tại khu rừng phòng hộ đầu nguồn thôn NN, thị trấn YP, huyện BM thuộc tiểu khu 149A, khoảnh 8, lô 2, 4 và khoảnh 1, lô 12 (theo bản đồ quy hoạch 3 loại rừng năm 2013 của UBND tỉnh HG) là 05 cây, lóng, khúc, gỗ nghiến, trai thuộc nhóm IIA tổng khối lượng là $17,236m^3$ (gỗ tròn). Trong vụ án này các bị cáo chặt, hạ đem bán lấy tiền tiêu sài hết, vì hoàn cảnh kinh tế gia đình các bị cáo còn khó khăn, không yêu cầu các bị cáo bồi thường. Đề nghị xét xử nghiêm minh để làm gương cho người khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan

- *Anh Nguyễn Minh V xác nhận* vào khoảng cuối năm 2016 tôi mua gỗ của bị cáo M và Kh mang đến nhà bán hai lần cụ thể: *Lần 1* mua 03 cái xà dài 12 mét, 08 xà dài 11 mét kích thước rộng 17cm dày 04cm gỗ Nghiến nhóm IIA giá 1.500.000đ/cái; *Lần 2*: Mua 05 cái cột trong đó 02 cái cột gỗ Nghiến, 03 cái cột gỗ Trai có kích thước 14 x 16 cm dài 4m với giá 1.500.000đ/cái, tổng cột và xà nhà 16 cái x 1.500.000đ = 24.000.000đ số gỗ này hiện cơ quan CSĐT công huyện BM đã thu giữ, mục đích mua để sửa nhà. Nay tôi đề nghị khi nào bán thanh lý cho tôi được mua lại số lâm sản trên để sửa chữa nhà ở.

- *Anh Ngô Văn D xác nhận* vào cuối tháng 12/2016 tôi mua gỗ của bị cáo Lâu Văn M và Ngô Văn K cụ thể hai lần: *Lần 1* xà xiên gỗ Nghiến 13 thanh kích thước dài 7,66m, rộng 17 cm, dày 04 cm; *Lần 2* xà đoạn 06 thanh dài 5m, rộng 17 cm, dày 04 cm. tổng cả hai loại dài ngắn 19 cái x 400.000đ = 7.600.000đ số gỗ này hiện cơ quan CSĐT công huyện BM đã thu giữ, mục đích mua gỗ về sửa nhà. Nay tôi đề nghị khi nào bán thanh lý cho tôi được mua lại số lâm sản trên để sửa chữa nhà ở.

Người làm chứng: Lý Văn N xác nhận khoảng tháng 12/2016 anh trai ruột Lý Văn S gọi điện rủ đi bóc gỗ thuê, từ khu vực cầu NN đến nhà anh Ngô Văn K tôi nhất trí, khi đến nơi thấy anh Lâu Văn M, Ngô Văn K và Lý Văn S cùng nhau vận chuyển từ cầu NN theo hướng suối về nhà Ngô Văn K 06 thanh xà kèo gỗ Nghiến, kích thước dài khoảng 5 mét vận chuyển xong anh M trả cho 150.000đ, tôi tham gia duy nhất một lần.

Theo bản cáo trạng số 10/CT-VKS ngày 16/8/2017 của VKSND huyện BM đã truy tố các bị cáo Lâu Văn M và Ngô Văn K về tội “ *Vi phạm các quy định về khai thác và bảo vệ rừng*” theo khoản 1 Điều 175 Bộ luật hình sự. Tại phiên tòa đại diện VKS giữ quyền công tố đã kết luận và phát biểu quan điểm của VKS về việc giải quyết vụ án, giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo về tội danh, điều luật như nội dung cáo trạng đã nêu.

Đề nghị Hội đồng xét xử.

+ **Tuyên bố bị cáo:** Lâu Văn M và Ngô Văn K về tội “ *Vi phạm các quy định về khai thác và bảo vệ rừng*”.

+ **Hình phạt:** Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 175, điểm h, p khoản 1 Điều 46, Điều 20, Điều 33; Điều 53 của BLHS; Xử phạt bị cáo Lâu Văn M từ 06 đến 09 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt ngày 09/5/2017; Bị cáo Ngô Văn K từ 06 đến 09 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt ngày 09/5/2017.

Hình phạt bổ sung phạt mỗi bị cáo 5.000.000đ – 7.000.000,đ

+ **Về xử lý vật chứng:** Áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 41 của BLHS; điểm a, c, đ khoản 2 Điều 76 BLTTHS.

Tịch thu sung quỹ nhà nước số vật chứng liên quan đến vụ án gồm:

- 35 thanh gỗ Nghiến, Trai thành khí nhóm IIA có khối lượng là 2,081m³ (quy tròn = 3,329m³).

- Số thân cây, ngọn cây và bấp bìa của 5 cây gỗ Nghiến, Trai thuộc nhóm IIA, mà M, Kh khai thác còn lại hiện trường là 13,907 m³ (gỗ tròn)

- 01 máy cưa xăng màu đỏ, nhãn hiệu HUSQVANA-365 có lưỡi lam + xích dài 1 mét, máy cũ đã qua sử dụng.

Tịch thu tiêu hủy: 01 con dao tông màu đen liền chuôi dài 36 cm, bản rộng 06 cm, thân dao dài 25 cm, dao đã qua sử dụng.

- Về án phí: Áp dụng Điều 99 BLTTHS; Khoản 1 Điều 21 và khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về lệ phí Tòa án, các bị cáo phải chịu án phí theo pháp luật;

Hội đồng xét xử căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ NHẬN ĐỊNH VỀ VỤ ÁN:

Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa hôm nay phù hợp với lời khai của nguyên đơn dân sự, các tài liệu chứng cứ đã có trong hồ sơ, phù hợp với tang vật và các vật chứng khác đã được thu thập, thấy rằng có đủ cơ sở để kết luận: Khoảng tháng 12/2016 Lâu Văn M, Ngô Văn K đã nhiều lần lên khu rừng phòng hộ thuộc thôn NN khai thác gỗ trái phép; địa điểm khai thác thuộc tiểu khu 149A, khoảnh 8, lô 2, 4 và khoảnh 1, lô 12 do UBND thị trấn YP quản lý; tổng số cây M, Kh khai thác 05 cây, lóng khúc với tổng khối lượng là **17,236m³** (gỗ tròn), gỗ nghiêng, trai nhóm IIA, (*hình thức khai thác dạng xà xiên và cột*), trị giá: 120.652.000đ (*Một trăm hai mươi triệu, sáu trăm năm mươi hai nghìn đồng*). Số gỗ Nghiến, Trai nhóm IIA còn lại trên hiện trường là 13,907m³,

Các bị cáo không có giấy phép khai thác gỗ, không được cấp có thẩm quyền cho phép nhưng đã tự tiện, lén lút khai thác gỗ một cách trái phép. Số lượng gỗ khai thác trái phép vượt mức quy định xử lý vi phạm hành chính quy định tại điểm b khoản 2 Điều 12 Nghị định số 157/2013/NĐ-CP ngày 11/11/2013 của Chính phủ và tiểu mục 1.1 mục 1 Phần IV Thông tư liên tịch số 19/2007/TTLT-BNN-BTP-BCA-VKSNDTC-TANDTC ngày 08/3/2007 của Bộ Tư pháp, Bộ công an, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số điều của BLHS về các tội phạm trong lĩnh vực quản lý rừng, bảo vệ rừng. Như vậy, VKSND huyện Bắc Mê truy tố các bị cáo về tội "*Vi phạm các quy định về khai thác và bảo vệ rừng*" theo điểm a khoản 1 Điều 175 của BLHS là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng quy định của pháp luật.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước, vi phạm Luật bảo vệ và phát triển rừng, hành vi đó cần xử lý về hình sự là thỏa đáng. Trong vụ án này các bị cáo xâm hại đến khu rừng phòng hộ do UBND thị trấn YP quản lý và bảo vệ, các bị cáo lợi dụng sự quản lý chưa chặt chẽ của địa phương, nên các bị cáo đã khai thác số lượng gỗ lớn. Trong quá trình thực hiện hành vi phạm tội các bị cáo thực hiện nhiều lần và đem bán lấy tiền tiêu sài cá nhân. Trong lúc toàn Đảng, toàn dân phát động phong trào trồng cây phủ xanh đất trống đồi núi trọc, chống sói mòn sạt lở gây thiệt hại về tính mạng và tài sản của nhà nước, thì các bị cáo lại chặt hạ cây với

số lượng lớn. Hành vi phạm tội của các bị cáo diễn ra trong một thời gian ngắn nhưng không có tính liên tục, chỉ thực hiện khi người có nhu cầu mua lâm sản, do đó không mang tính chuyên nghiệp về tổ chức không có bàn bạc cụ thể phân công vai trò nên thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn, các bị cáo phạm tội với động cơ, mục đích vụ lợi cá nhân. Nhưng xét về mức độ và hình phạt cần cách ly các bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định, để làm gương cho những ai đã và đang, sẽ có những hành vi như các bị cáo.

Xét các tình tiết tăng nặng các bị cáo không có, xét về vai trò mức độ phạm tội của từng bị cáo thấy rằng: Đối với bị cáo Lâu Văn M thực hiện hành vi phạm tội nhiều lần trực tiếp sử dụng máy cưa của mình cùng đồng phạm khai thác với số cây, số lượng lớn. Ngoài ra bị cáo M còn đứng ra hợp đồng thuê miệng với Lý Văn S vận chuyển gỗ nên bị cáo M có mức án cao hơn bị cáo Kh. Đối với bị cáo Ngô Văn K đều trực tiếp tham gia khai thác cùng nhau nhiều lần với số cây, khối lượng bằng bị cáo M.

Xét về nhân thân, các bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự, tuy nhiên cũng cần xét tại giai đoạn điều tra, truy tố cũng như tại phiên tòa các bị cáo đều phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo có nhân thân tốt, nhận thức và hiểu biết pháp luật còn nhiều hạn chế, nên cần cho các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo các điểm h, p khoản 1 Điều 46 của BLHS để các bị cáo biết được hưởng lượng khoan hồng của pháp luật.

Về hình phạt bổ sung: Trong vụ án này các bị cáo khai thác một số lượng lớn cây gây thiệt hại không nhỏ cho tài nguyên đem đi tiêu thụ. Do đó áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo theo khoản 3 Điều 175 BLHS là phù hợp

Trong vụ án này còn phát hiện có Hoàng Văn Đ và Nông Thái S khai thác gỗ nghiêng trái phép bán cho Ngô Văn D và Nguyễn Văn N, nhưng khối lượng khai thác chưa đến mức phải truy cứu trách nhiệm hình sự đã tách và chuyển hồ sơ đến cơ quan chức năng xử lý theo thẩm quyền. Đối với Nguyễn Minh V, Ngô Văn D và Nguyễn Văn N mua lâm sản trái pháp luật của bị cáo M, Kh và các đương sự Đ, S. Nhưng khối lượng lâm sản mua trái phép chưa đến mức phải truy cứu trách nhiệm hình sự, qua xác minh V, D và N chưa có tiền án, tiền sự. Nên HĐXX không xem xét.

Theo lời khai bị cáo M và Kh khai sau khi khai thác được lâm sản các bị cáo đã thuê Lý Văn S vận chuyển. Quá trình điều tra xác minh tại địa phương Lý Văn S không có mặt tại địa phương và hiện đang ở đâu. Do đó Cơ quan cảnh sát điều tra tiếp tục điều tra xác minh, nếu có đủ căn cứ thì sẽ xem xét xử lý về sau. Nên HĐXX không xem xét.

Về vật chứng của vụ án: Quá trình điều tra cơ quan CSĐT công an huyện BM đã tạm giữ một số tang vật sau:

- Số thân cây, ngọn cây và bắp bìa của 5 cây gỗ Nghiến, Trai thuộc nhóm IIA, mà M, Kh khai thác còn lại hiện trường là **13,907m³** (gỗ tròn) đã tạm giao cho UBND thị trấn YP quản lý.

- 01 máy cưa xăng màu đỏ, nhãn hiệu HUSQVANA-365, máy cũ đã qua sử dụng; 01 lam + xích dài 1 mét đã qua sử dụng.
- 01 con dao tông màu đen, dao liền chuôi dài 36 cm, bản rộng nhất dài 0,6 cm, thân dao dài 25 cm, chuôi dao dài 11 cm, dao đã qua sử dụng.
- 35 thanh gỗ Nghiến, Trai thành khí nhóm IIA có khối lượng là $2,081\text{m}^3$ (quy tròn = $3,329\text{m}^3$).

Áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 41 BLHS; điểm a, c, đ khoản 2 Điều 76 BLTTHS. *Tịch thu sung quỹ nhà nước* 35 thanh gỗ Nghiến, Trai thành khí nhóm IIA khối lượng là $2,081\text{m}^3$ (quy tròn = $3,329\text{m}^3$); Số thân cây, ngọn cây và bắp bìa của 5 cây gỗ Nghiến, Trai thuộc nhóm IIA, mà M, Kh khai thác còn lại hiện trường là $13,907\text{ m}^3$ (gỗ tròn); 01 máy cưa xăng màu đỏ, nhãn hiệu HUSQVANA-365 có lưỡi lam + xích dài 1 mét, máy cũ đã qua sử dụng. *Tịch thu tiêu hủy*: 01 con dao tông màu đen liền chuôi dài 36 cm, bản rộng 06 cm, thân dao dài 25 cm là công cụ phương tiện mà các bị cáo dùng vào việc phạm tội.

Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại: Các bị cáo khai thác gỗ trái phép đã gây thiệt hại đến tài nguyên của nhà nước. Tuy nhiên số gỗ khai thác trái phép được cơ quan chức năng thu giữ, quản lý gây thiệt hại không lớn so với khả năng kinh tế trước mắt và lâu dài của các bị cáo, đồng thời cơ quan quản lý không yêu cầu bồi thường thiệt hại. Nên HĐXX không xem xét.

Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vi các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

- **Tuyên bố bị cáo:** Lâu Văn M, Ngô Văn K phạm tội *Vi phạm các quy định về khai thác và bảo vệ rừng*.

Hình phạt: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 175; điểm h, p khoản 1 Điều 46; Điều 20; Điều 33; Điều 53 BLHS; xử phạt bị cáo: Lâu Văn M 08 (Tám) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt ngày 09/5/2017; Ngô Văn K 07 (Bảy) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt ngày 09/5/2017.

- Áp dụng khoản 3 Điều 175 BLHS: phạt tiền đối với các bị cáo:

Lâu Văn M: 5.000.000đ (Năm triệu đồng chẵn)

Ngô Văn K: 5.000.000đ (Năm triệu đồng chẵn)

- **Về vật chứng của vụ án:** Áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 41 BLHS; điểm a, c, đ khoản 2 Điều 76 BLTTHS.

Tịch thu sung quỹ nhà nước 35 thanh gỗ Nghiến, Trai thành khí nhóm IIA khối lượng là $2,081\text{m}^3$ (quy tròn = $3,329\text{m}^3$); Số thân cây, ngọn cây và bắp bìa của 5 cây gỗ Nghiến, Trai thuộc nhóm IIA, mà M, Kh khai thác còn lại hiện trường là $13,907\text{ m}^3$ (gỗ tròn); 01 máy cưa xăng màu đỏ, nhãn hiệu HUSQVANA-365 có lưỡi lam + xích dài 1 mét, máy cũ đã qua sử dụng.

Tịch thu tiêu hủy: 01 con dao tông màu đen liền chuôi dài 36 cm, bản rộng 06 cm, thân dao dài 25 cm.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng lập ngày 22/8/2017 giữa CQCSĐT công an huyện với Chi cục thi hành án dân sự huyện BM).

- **Về án phí:** Áp dụng Điều 99 BLTTHS; Khoản 1 Điều 21 và khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về lệ phí Toà án, Lâu Văn M và Ngô Văn K mỗi bị cáo chịu tiền án phí hình sự sơ thẩm 200.000đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (*đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án*) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (*đối với các khoản tiền phải trả cho người phải thi hành án*) cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm báo cho bị cáo, nguyên đơn dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Nguyên đơn dân sự vắng mặt biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc niêm yết tại trụ sở nơi cư trú./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh HG;
- VKSND huyện + tỉnh;
- Sở tư pháp HG; PV27 CA tỉnh Hà giang;
- Trại tạm giam CA tỉnh Hà Giang;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Bắc Mê;
- Bị cáo; Nguyên đơn dân sự; Người có QLNVLQ
- UBND thị trấn Yên Phú;
- Lưu: Hồ sơ vụ án & Hồ sơ THA HS.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phạm Hùng Thắng